

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST

Ngày 30-6-2025

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Nguyễn Thi Thi

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Chi

2. Ông Nguyễn Văn Cơ

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Thùy Trang - Cán bộ Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu – thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Hùng Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 54/2025/TLST-HNGĐ ngày 14/02/2025, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Văn Thị T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ F phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T: Bà Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 1993 – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư T1; Địa chỉ: C T, phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lương Công V, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ F phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Văn Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Văn Thị T và ông Lương Công V kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau.

Trong quá trình chung sống bản thân bà T cảm thấy không được tôn trọng, ông V là người đàn ông không bản lĩnh hay nghe theo lời xúi giục của gia đình và bạn bè, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là sau khi xây nhà, ông V thường xuyên đánh bài trong nhà, ông V còn cho người lạ vào ở trong nhà mà không hỏi ý kiến của bà T mặc dù trong nhà còn có con gái riêng của bà T ở chung. Nhiều lần bà T góp ý, ông V đe dọa đánh bà T, đã từng phải gọi công an vào can thiệp. Do đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm nên bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Văn Thị T và ông Lương Công V ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Bà Văn Thị T xác định bà và ông Lương Công V không có con chung.

- Về tài sản chung: Bà Văn Thị T xác định bà và ông Lương Công V đã tự thỏa thuận, do đó đã có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về phần này, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Văn Thị T xác định bà và ông Lương Công V đã tự thỏa thuận, nợ chung đã được trả hết do đó đã có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về phần này, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, đối với chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá bà T tự nguyện chịu (bà T cho rằng bà và ông V đã thỏa thuận với nhau về vấn đề này).

*** Bị đơn, ông Lương Công V có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Công V và bà Văn Thị T kết hôn năm 2015 qua tìm hiểu và tự nguyện yêu nhau sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Trong quá trình sinh sống thì ông V cũng thừa nhận vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng không thể hàn gắn được nữa. Nay bà Văn Thị T yêu cầu ly hôn thì ông V đồng ý.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lương Công V xác định vợ chồng đã thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do đầu địa phương không rõ. Về con chung không có.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt tuy nhiên đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Về quan điểm đối với việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Văn Thị T và sự đồng thuận của ông V đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận. Đề nghị HĐXX xử cho bà Văn Thị T ly hôn với ông Lương Công V; Về con chung: Bà T và ông V xác định không có; Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông V cùng xác định đã thỏa thuận, giải quyết xong, các bên đương sự không ai có ý kiến gì nên đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp ly hôn, bị đơn ông Lương Công V có cư trú tại quận L, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; bị đơn ông Lương Công V đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Văn Thị T và ông Lương Công V kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, cả hai đều thừa nhận vấn đề này và thuận tình ly hôn với nhau. Qua xác minh tại địa phương được biết mâu thuẫn của vợ chồng là có thật. Xét thấy mâu thuẫn

của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Văn Thị T đối với ông Lương Công V.

[2.2] Về con chung: Bà Văn Thị T và ông Lương Công V xác định không có con chung, HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Tại đơn khởi kiện bà Văn Thị T đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung, tuy nhiên quá trình giải quyết ở phiên hòa giải ngày 29/5/2025 cả hai vợ chồng đã thống nhất tự thỏa thuận đối với các vấn đề này. Ngày 26/6/2025 bà T đã có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với việc chia tài sản chung và nợ chung, ông V cũng thống nhất. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự do đó HĐXX đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của bà Văn Thị T.

[3] Về chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000đ và chi phí định giá tài sản 13.000.000đ bà T tự nguyện chịu, HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Văn Thị T phải chịu 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244; Điều 271 và khoản 1 điều 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Ly hôn” của bà Văn Thị T đối với ông Lương Công V.

Đình chỉ yêu cầu của bà Văn Thị T về việc chia tài sản chung và nợ chung đối với ông Lương Công V

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Văn Thị T, sinh năm 1981 được ly hôn với ông Lương Công V, sinh năm 1981.

2. Về quan hệ con chung: Không có.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Văn Thị T phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007340 ngày 14/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

Hoàn trả cho bà Văn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.750.000đ (Tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007410 ngày 25/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND P.Hoà Khánh Nam;
- Hồ sơ vụ án.

Trần Nguyễn Thi Thi

